

[TÊN THƯƠNG MẠI – Thiết kế 2]
[COMMERCIAL NAME – Plan 2]

Để đi hết một chặng đường dài cần có sự chuẩn bị vô cùng kỹ lưỡng, [Tên thương mại] là giải pháp hữu hiệu đáp ứng các nhu cầu đa dạng, từ đảm bảo an toàn tài chính, xây dựng kế hoạch học vấn cho con, hay tiết kiệm cho tuổi hưu an nhàn. Tham gia [Tên thương mại] hôm nay để tạo nền tảng chính phục các mục tiêu tài chính mai sau:

Traveling a long journey needs a great amount of preparation; [Commercial name] is a helpful solution to address diversifying needs, from financial protection, education plan for child, or retirement for golden ages. Join [Commercial name] today to build up the foundation for tomorrow financial goals:

Chuẩn bị cho nền tảng cho tài chính vững vàng:

- Bảo vệ tài chính tối ưu trước các rủi ro tử vong và thương tật do tai nạn với Số Tiền Bảo Hiểm <100% STBH>
- Gia tăng bảo vệ cho cả gia đình với danh mục các sản phẩm bảo trợ đính kèm đa dạng
- Miễn toàn bộ phí quản lý hợp đồng và phí bảo hiểm rủi ro năm đầu tiên và từ sau tuổi 85

Building up a strong financial foundation:

- Financial protection against Death and Accidental Dismemberment with total coverage of <400% FA>
- Enhance protection for all family member with diversifying portfolio of riders
- Waive all policy fee and cost of insurance in the 1st policy year and from age 85 onwards

Tạo đà cho tương lai thịnh vượng:

- Hưởng lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ Liên Kết Chung, không thấp hơn mức lãi suất cam kết
- Nhận các khoản quyền lợi duy trì Hợp Đồng định kỳ và đặc biệt vô cùng hấp dẫn
- Khoản tiết kiệm hấp dẫn tại thời điểm đáo hạn hợp đồng

Pacing towards prosperous future:

- Enjoy the actual crediting rate from Universal Life fund, no lower than guaranteed rate
- Receive attractive Regular and Special Loyalty bonuses
- Attractive savings at maturity of the policy

Linh hoạt xoay chuyển trên chặng đường cuộc sống:

- Tham gia tích lũy thêm để gia tăng giá trị tài khoản
- Chủ động rút tiền từ tài khoản hoàn toàn miễn phí
- Minh bạch trong quản lý hợp đồng với 2 tài khoản riêng biệt

Flexibly adjusting throughout life journey:

- Top up to increase the account value
- Actively withdraw, free of charge
- Transparency in policy management with 2 separate accounts

Manulife Việt Nam – một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu và có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam, tính đến hết năm 2017.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/ CLIENT INFORMATION

	Họ và tên/ Full name	Giới tính/ Gender	Ngày sinh/ DOB	Tuổi/Age	Loại nghề nghiệp/ Occupation class
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)/ Policy Owner (PO)					
Người Được Bảo Hiểm (NĐBH)/ Life Insured (LI)					

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM/ POLICY INFORMATION

Sản phẩm / Product	Người Được Bảo Hiểm/ Life Insured	Tuổi/ Age	Thời hạn đóng phí / Planed premium term (year)	Thời hạn bảo hiểm (năm)/ Policy Term/Protection term (year)	Mức thâm định ^(*) a% / b (x năm) / UW decision(*) a% / b (x năm)	Số Tiền Bảo Hiểm (đồng)/ Face amount (VND)	Phí bảo hiểm hàng <năm> (đồng) / Premium per <year> (VND)
Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính/ Base plan							
<Tên thương mại> / <Commercial name>							
Sản Phẩm Bảo Hiểm Bổ Trợ / Rider							
<Tên sản phẩm bổ trợ>/ <Rider name>							
Tổng Phí Bảo Hiểm Định Kỳ/ Total regular premium							<xxx>

**KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ
Premium payment plan**

	Định kỳ đóng phí / Frequency			
	Năm/ Annually	Nửa Năm/ Semi-annually	Quý/ Quarterly	Tháng/ Monthly
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (a) / Base Premium (a)				

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

Phí Bảo Hiểm Bồi Trợ (b)/ Rider Premium (b)				
Phí Bảo Hiểm Định Kỳ (c) = (a) + (b) / Regular Premium (c) = (a) + (b)				
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm (d) / Top up (d)				
Tổng Phí Bảo Hiểm dự kiến theo kỳ (e) = (c) + (d)/ Total planned premium (e) = (c) + (d)				

(*) Bảng minh họa này dành cho (các) Người Được Bảo Hiểm có sức khỏe và/hoặc nghề nghiệp ở mức dưới chuẩn theo quy định của Công Ty. Phí Bảo Hiểm được điều chỉnh so với mức phí đối với tình trạng sức khỏe chuẩn. Vui lòng xem chi tiết trong Thư Thỏa Thuận (V.v: Các điều kiện Bảo Hiểm).

- a% là chỉ tiêu rủi ro dưới chuẩn sức khỏe.

- b (x năm) là chỉ tiêu rủi ro dưới chuẩn phần ngàn theo nghề nghiệp và/hoặc sức khỏe trong thời hạn x năm

(**) Đối với sản phẩm Bảo Hiểm Bồi Trợ “Món Quà Sức Khỏe”, Phí Bảo Hiểm hiển thị là Phí Bảo Hiểm cho năm đầu tiên. Phí Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bồi Trợ “Món Quà Sức Khỏe” có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của NĐBH, do đó các khoản Phí Bảo Hiểm liên quan trong những năm sau cũng có thể thay đổi tương ứng.

(*) This illustration is for the Insured Person (s) having health and / or occupation at a sub-standard level as required by the Company. Premiums and Cost of insurance are adjusted against the premiums for standard health conditions. Please see the details in the Letter of Agreement (V.v: Conditions of Insurance).

- a% is a risk indicator below the health standard.

- b (x years) is the substandard risk indicator for occupation and / or health for a period of x years

(**) For Healthcare rider, displayed premium is for the first year. The premium of Healthcare rider will vary each year, which means other related premium will be change accordingly

Ghi chú:

- Thời hạn đóng Phí Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính bằng thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên khách hàng có thể lựa chọn thời hạn đóng phí dự kiến linh hoạt theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm của bản thân (tối thiểu 3 năm) và nên đóng phí đúng như dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

Note:

- Premium term equals policy term. Nevertheless, customer can flexibly pay premium according to his/her financial affordability and protection needs (minimum 3 years) and should complete premium payment schedule to reach planned financial goals.

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/

The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM/ BENEFIT SUMMARY

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH/ BASE PLAN BENEFIT

1. Quyền Lợi Trợ Cấp Y Tế/ Medical benefit	a. Quyền lợi trợ cấp Nằm Viện: Max (Min (0,2% STBH, VND 3M), 200K) đồng/ngày b. Quyền lợi trợ cấp Nằm Viện đặc biệt: 2*Max (Min (0,2% STBH, VND 3M), 200K) đồng/ngày c. Quyền lợi trợ cấp thu nhập: Manulife chi trả thêm <20% MC FA/per day> Quyền lợi trợ cấp Nằm Viện cho mỗi Ngày Nằm Viện kể từ Ngày Nằm Viện thứ 6. d. Quyền lợi hỗ trợ chăm sóc sức khỏe: Max (Min (0,2% STBH, VND 3M), 200K) đồng/ngày cộng thêm vào Tài Khoản Đóng Thêm tại mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng nếu không có bất kỳ quyền lợi trợ cấp y tế nào được chi trả trong năm hợp đồng liền trước đó. a. Daily hospital cash: Max (Min (0,2% FA, VND 3M), 200K) VND/day b. ICU benefit: 2*Max (Min (0,2% FA, VND 3M), 200K) VND/day c. Income: add <20% MC FA/per day> of daily hospital cash per day from 6th hospital day d. Healthcare benefit: Max (Min (0,2% FA, VND 3M), 200K) VND/day allocated into Top Up Account on each anniversary date if there is no medical claim is paid during the preceding year.
2. Quyền Lợi Tử Vong (*) (**)/Death benefit (*)	a. Quyền lợi Tử Vong: Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số lớn hơn (giá trị Tài Khoản Cơ Bản, Số Tiền Bảo Hiểm) + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao: giá trị Tài Khoản Cơ Bản+ Số Tiền Bảo Hiểm + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm b. Quyền lợi Tử vong do Tai Nạn: Trước khi NĐBH đạt 70 Tuổi, Manulife sẽ chi trả thêm như sau: • <300% STBH> khi NĐBH tử vong do Tai Nạn máy bay • <200% STBH> khi NĐBH tử vong do Tai Nạn giao thông hoặc Tai Nạn Thang Máy hoặc Hỏa hoạn • <100% STBH> khi NĐBH tử vong do các Tai Nạn khác Quyền lợi bảo hiểm Tử Vong do Tai Nạn sẽ khấu trừ đi Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn đã chi trả trước đó a. Death benefit: Max (Base Account Value, Face Amount) + Top Up Account Value b. Accidental Death benefit: Before the Life Insured reaches 70 years old, Manulife will pay the following: • <300% FA> when death happens during airtravel • <200% FA> when death happens during public transportation or fire in buildings • <100% FA> when death happens due to other accidental causes Accidental Death benefit will deduct Accidental Dismemberment benefit paid out previously
3. Quyền lợi chu toàn hậu sự (*)/ Funeral benefit (*)	Manulife sẽ chi trả trước <min(10% STBH, 30.000.000)> khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi Tử vong Manulife will pay in advance <max(10% FA, 30,000,000)> when death claim is registered

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.
Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

4. Quyền lợi duy trì Hợp Đồng (nếu thỏa điều kiện quy định tại điều khoản sản phẩm) (**)/ Loyalty bonuses (if satisfy terms and conditions)

- a. QL duy trì Hợp Đồng định kỳ: 3,0% giá trị Tài Khoản Cơ Bản trung bình của 3 năm gần nhất. Quyền lợi được tính vào mỗi cuối 3 Năm Hợp Đồng kể từ Năm Hợp Đồng thứ 3 và cộng vào giá trị Tài Khoản Cơ Bản
- b. QL duy trì Hợp Đồng đặc biệt: Manulife chi trả quyền lợi duy trì Hợp Đồng đặc biệt vào Tài Khoản Cơ Bản tại Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng năm thứ 10 và/hoặc Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng năm thứ 20

Số Tiền Bảo Hiểm	Quyền lợi (% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản tại thời điểm phát hành Hợp Đồng quy năm)	
	Tại Năm Hợp Đồng thứ 10	Tại Năm Hợp Đồng thứ 20
Dưới 1 tỷ đồng	50%	300%
Từ 1 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng	100%	350%
Từ 1,5 tỷ đồng trở lên	150%	400%

- a. Regular loyalty bonus: 3.0% Average Base Account value of preceding 3 years. This benefit is calculated at end of each 3 policy year from the 3rd year onwards, and allocated into Base Account value.
- b. Special loyalty bonus: Manulife will allocate into Base Account <special bonus> at the end of 10th policy year and <special bonus> at the end of 20th policy year

Face Amount	Bonus (% Base Premium at Issued Year)	
	At year 10	At year 20
Under VND 1 billion	50%	300%
From VND 1 billion to 1.5 billion	100%	350%
From VND 1.5 billion	150%	400%

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ TRỢ / RIDER BENEFITS

	Quyền Lợi Bảo Hiểm Bổ Trợ / Rider	Sự kiện bảo hiểm/ Insurance event	Quyền lợi bảo hiểm/ Benefits
1.	Món Quà Sức Khỏe ^(***) Healthcare rider ^(***)	- Khi Người Được Bảo Hiểm điều trị nội trú - Khi Người Được Bảo Hiểm điều trị ngoại trú - Khi Người Được Bảo Hiểm điều trị nha khoa	Công ty sẽ chi trả các chi phí y tế thực tế Cần Thiết Về Mặt Y Khoa và không vượt quá các chi tiết tại Bảng Chi Tiết Quyền Lợi Bảo Hiểm của

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

		- When the insured person is inpatient - When the insured person is outpatient - When the insured person has dental treatment	- Quyền lợi điều trị nội trú - Quyền lợi điều trị ngoại trú (nếu có) - Quyền lợi nha khoa (nếu có) Company pay actual medical charge but will capped at limit and sub-limit amount for each sub benefit at detailed benefit table, followed provision approved by MOF. - Inpatient - Outpatient (If any) - Dental (If any)
2.	Bảo Hiểm Tử Vong và Thương Tật Do Tai Nạn – Đóng phí ngắn hạn^(*) Accidental Death and Dismemberment – Limited pay^(*)	- Tử vong do tai nạn thông thường/ khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc di chuyển bằng thang máy hoặc bị hỏa hoạn tại các Tòa Nhà Công Cộng/ đi máy bay thương mại - Thương tật do tai nạn (tùy theo mức độ thương tật)^(**) - Death by ordinary accident/ when using public transportation/ when using elevator or fire at public buildings/ when travel by plane - Injury (depends on level of dismemberment)^(**)	100% / 200% / 300% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ Tối đa lên đến 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ 100% / 200% / 300% Face amount of this rider Up to 100% FA of this rider
3.	Bảo Hiểm Trợ Cấp Y Tế - Đóng phí ngắn hạn Medicash (MC) – Limited pay	- Khi phải nằm viện điều trị qua đêm - Khi phải nằm điều trị tại Khoa Chăm Sóc Đặc Biệt - Daily hospitalization cost per day - Intensive Care Unit cost per per day	100% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ/ ngày 200% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ/ ngày Chi trả tối đa lên đến 1.000 ngày trong suốt thời hạn Hợp Đồng 100% FA of this rider/ day 200% FA of this rider/ day Up to 1,000 days during policy term
4.	Bảo Hiểm Tử Vong hay Thương Tật Toàn Bộ và Vĩnh Viễn – Đóng phí ngắn hạn Death and Total Permanent and Dismemberment – Limited pay	Khi bị Tử Vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn^(**) Death or Total and Permanent Disability^(**)	Tối đa lên đến 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ Up to 100% FA of this rider
5.	Hỗ Trợ Đóng Phí Do Bệnh Lý Nghiêm Trọng của Người Được Bảo Hiểm	Khi Người Được Bảo Hiểm được chẩn đoán mắc bất kỳ 1 trong 45 BLNT Giai đoạn cuối nào^(**) (theo danh sách bên dưới)	Manulife sẽ chi trả khoản Phí bảo hiểm Định Kỳ quy năm vào mỗi Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng tiếp theo cho đến khi hết thời hạn Hỗ trợ Đóng Phí của sản phẩm bồi trợ này hoặc hợp đồng chấm dứt hiệu lực (tùy ngày)

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.
Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

	Premium Support due to CI of Life Insured	Upon diagnosis of 1 in 45 CI (**) (according to the list below)	nào xảy ra trước). Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm tử vong trước khi kết thúc thời hạn Hỗ Trợ Đóng Phí, tổng số Phí Bảo Hiểm định kỳ quy năm được hỗ trợ còn lại sẽ được chi trả một lần. Company will pay annualized premium at every next anniversaries until end of this rider policy term. In case the Life Insured of base plan dies before end of this rider policy term, total remaining payment will be paid at once.
7.	Hỗ Trợ Đóng Phí Do Thương Tật Toàn Bộ và Vĩnh Viễn của Người Được Bảo Hiểm Premium Support due to Total Permanent and Dismemberment of Life Insured	Khi Người Được Bảo Hiểm được chẩn đoán bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn Total Permanent and Dismemberment of Life Insured	Manulife sẽ chi trả khoản Phí bảo hiểm Định Kỳ quy năm vào mỗi Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng tiếp theo cho đến khi hết thời hạn Hỗ trợ Đóng Phí của sản phẩm bảo trợ này hoặc hợp đồng chấm dứt hiệu lực (tùy ngày nào xảy ra trước). Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm tử vong trước khi kết thúc thời hạn Hỗ Trợ Đóng Phí, tổng số Phí Bảo Hiểm định kỳ quy năm được hỗ trợ còn lại sẽ được chi trả một lần Company will pay annualized premium at every next anniversaries until end of this rider policy term. In case the Life Insured of base plan dies before end of this rider policy term, total remaining payment will be paid at once.
8.	Hỗ Trợ Đóng Phí Do Tử Vong hoặc Do Bệnh Lý Nghiêm Trọng của Bên Mua Bảo Hiểm Premium Support due to Death or CI of Life Insured	Khi Người Được Bảo Hiểm tử vong hoặc được chẩn đoán mắc bất kỳ 1 trong 45 BLNT Giai đoạn cuối nào (**) (theo danh sách bên dưới) Upon LI's death or diagnosis of 1 in 45 CI at late stage (**) (according to the list below)	Manulife sẽ chi trả khoản Phí bảo hiểm Định Kỳ quy năm vào mỗi Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng tiếp theo cho đến khi hết thời hạn Hỗ trợ Đóng Phí của sản phẩm bảo trợ này hoặc hợp đồng chấm dứt hiệu lực (tùy ngày nào xảy ra trước). Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm tử vong trước khi kết thúc thời hạn Hỗ Trợ Đóng Phí, tổng số Phí Bảo Hiểm định kỳ quy năm được hỗ trợ còn lại sẽ được chi trả một lần. Company will pay annualized premium at every next anniversaries until end of this rider policy term. In case the Life Insured of base plan dies before end of this rider policy term, total remaining payment will be paid at once.

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/

The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

9.	Hỗ Trợ Đóng Phí Do Tử Vong hoặc Thương Tật Toàn Bộ và Vĩnh Viễn của Bên Mua Bảo Hiểm Premium Support due to Death or CI of Policy Owner	Khi Bên Mua Bảo Hiểm tử vong hoặc được chẩn đoán bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn When Policy Owner dies or is diagnosed with 1 in 45 Cis (**) (according to the list below)	Manulife sẽ chi trả khoản Phí bảo hiểm Định Kỳ quy năm vào mỗi Ngày Kỷ Niệm Năm Hợp Đồng tiếp theo cho đến khi hết thời hạn Hỗ trợ Đóng Phí của sản phẩm bảo trợ này hoặc hợp đồng chấm dứt hiệu lực (tùy ngày nào xảy ra trước). Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm tử vong trước khi kết thúc thời hạn Hỗ Trợ Đóng Phí, tổng số Phí Bảo Hiểm định kỳ quy năm được hỗ trợ còn lại sẽ được chi trả một lần. Company will pay annualized premium at every next anniversaries until end of this rider policy term. In case the Life Insured of base plan dies before end of this rider policy term, total remaining payment will be paid at once.
10.	Bảo Hiểm Bệnh Lý Nghiêm Trọng – Đóng phí ngắn hạn Critical Illness – Limited Pay	▪ Khi phát hiện mắc bất kỳ 1 trong 10 Bệnh Lý Nghiêm Trọng ở giai đoạn sớm (có thể lên đến 4 lần cho các bệnh khác nhau) ▪ Khi mắc bất kỳ 1 trong 45 Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn cuối ▪ Khi mắc Bệnh Lý Nghiêm Trọng theo giới tính ▪ Upon diagnosis of 1 in 10 CI at early stage (up to 4 times for different kinds of illness) ▪ Upon diagnosis of 1 in 45 CI ▪ Gender Specific Disease	▪ 25% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ cho mỗi lần ▪ 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ trừ Số tiền đã chi trả cho Bệnh Lý Nghiêm Trọng giai đoạn sớm (nếu có) ▪ 25% Số Tiền Bảo Hiểm Bồi Trợ ▪ 25 % FA for each time ▪ 100% Rider Amount with deduction of paid amount of CI early stage ▪ 25% Rider Amount

(*) Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm dưới 4 Tuổi, Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.

(**) Tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.

(***) Phí bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ này có thể được điều chỉnh vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tùy theo tuổi, giới tính và nghề nghiệp hiện tại của Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ. Quyền lợi bảo hiểm cơ bản của hợp đồng chính vẫn được duy trì ngay cả khi khách hàng ngưng tham gia sản phẩm bảo trợ. Vui lòng tham khảo trang thông tin hợp đồng và bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm Món quà sức khỏe để biết thêm chi tiết.

Quyền lợi Bảo hiểm bồi trợ sẽ áp dụng tương ứng với từng Người Được Bảo Hiểm của (các) sản phẩm này. Vui lòng xem lại mục Thông Tin Hợp Đồng Bảo Hiểm để biết thêm chi tiết.

(*) In the event the Insured Person is a child under four (04) years of age at the time of the Insured Event, Insurance Benefits will be adjusted in accordance with the terms of the provision.

(**) Refer to the provision for more details.

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Barcode<*MVLNB*>/

Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

(**) The premium of this rider can be adjusted on each anniversary date of the policy, depending on the age, sex and occupation of the Insured's existing rider. Basic insurance benefits of the base plan are maintained even if the customer stops participating in the rider. Please refer to the provision and the Benefit Product Health Insurance details page for more information

The riders benefit applies to each of the Insured Person(s) of the product(s). Please review the Policy Information section for more detail.

Reference

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.
Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

BẢNG CHI TIẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỎ TRỢ MÓN QUÀ SỨC KHỎE/ DETAILED BENEFIT – HEALTHCARE RIDER

Đơn vị: triệu đồng (tr)

QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ/ INPATIENT BENEFITS	CƠ BẢN BASIC	NÂNG CAO ADVANCE	TOÀN DIỆN PREMIER	ƯU VIỆT ELITE
QUYỀN LỢI TỐI ĐA (NĂM)/ Grand Limit Per Year	100tr	250tr	500tr	1000tr
+ Quyền lợi điều trị nội trú không có phẫu thuật /đợt điều trị (1) / Sub Limits for Inpatient without surgery Per Hospitalization (1)	10tr	25tr	50tr	100tr
Chi phí phòng và giường/ngày (tối đa 60 ngày/năm)/ Daily Room & Bed (Regular Care) – Max 60 days per year	0,5tr	1,25tr	2tr	4tr
Chi phí phòng và giường ở Khoa Chăm Sóc Đặc Biệt/ ngày (tối đa 60 ngày/năm)/ Daily Room & Bed (Intensive Care) – Max 60 days per year	1,0tr	2,5tr	4tr	8tr
Chi phí Vật Lý Trị Liệu/ đợt điều trị/ Physiotherapy	1,0tr	2,5tr	4tr	8tr
Chi phí Điều Trị Trước Khi Nhập Viện/ đợt điều trị (30 ngày trước khi nhập viện)/ Prehospitalization treatment (30 days before hospitalization)	Theo chi phí thực tế/ As charged			
Chi phí Điều trị sau khi xuất viện (60 ngày sau khi xuất viện 1 lần duy nhất)/ Posthospitalization treatment (60 days after hospitalization) Maximum 1 claim Per Treatment				
Dịch vụ Chăm Sóc Y Tế Tại Nhà/ đợt điều trị (30 ngày sau khi xuất viện – tối đa 2 lần/năm)/ Other Inpatient Expenses	1,0tr	2,5tr	4tr	8tr
Chi Phí Y Tế Nội Trú Khác/ Home nursing care (30 days after hospitalization) – Max 2 claims per year	Theo chi phí thực tế/ As charged			
+ Quyền lợi Điều Trị Nội Trú có Phẫu Thuật/ đợt điều trị (2)/ Sub Limits for Inpatient with surgery Per Hospitalization (2)	20tr	50tr	100tr	200tr
Các quyền lợi nội trú như trên (1) / Inpatient Benefits similar to (1)	Như quy định trên/ Surgical Expenses			
Chi phí Phẫu Thuật và chi phí Y Tế Nội Trú khác/ Surgical Expenses	Theo chi phí thực tế/ As charged			
+ Cấy ghép nội tạng bao gồm tim, phổi, gan, tuyến tụy, thận, tủy xương cho Người Được Bảo Hiểm là người nhận tạng (3)/ Organ Transplant (3) heart, lung, liver, pancreas, kidney, bone marrow for	Theo chi phí thực tế			

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

insured as organ recipient					
Các quyền lợi nội trú như trên (1) / Inpatient Benefits similar to (1)		Như quy định trên/ Surgical Expenses			
Chi phí Phẫu Thuật và chi phí Y Tế Nội Trú khác/ Surgical Expenses		Theo chi phí thực tế/ As charged			
Ghi chú: Manulife chi trả chi phí thực tế liên quan đến người nhận tạng (NĐBH) và Chi Phí Phẫu Thuật cho người hiến tạng (không phải NĐBH). Tổng quyền lợi không vượt quá 100% Giới Hạn Tối Đa					
Note: Manulife pay actual medical expense for the organ receiver (nsured) and surgical expense for the organ donor (not the insured). Total benefit cannot exceed 100% Grand Limit.					
+ Điều trị ung thư (4) bằng phương pháp xạ trị và hóa trị (theo phương pháp uống, truyền hoặc tiêm) trong khi Điều Trị Nội Trú, Điều Trị Ngoại Trú hay Điều Trị Trong Ngày Cancer Treatment (4) Radiation therapy or Chemotherapy whether the insured is treated inpatient, outpatient or In-day		Theo chi phí thực tế/ As charged			
+ Quyền lợi thai sản (5) / Maternity Benefit (5) Sinh thường/ năm / Normal Delivery per year Sinh mổ và biến chứng thai sản/ năm / Caesarean Delivery or Pregnancy Complication per year		Không có N/A	10tr 15tr	15tr 25tr	20tr 35tr
Kiểm tra thai kì/năm – mức tối đa (tối đa 3 lần/năm)/ Pregnancy Check-ups (Max 3 times per year)			1tr	1,5tr	3tr
Chi phí chẩn đoán, xét nghiệm tại Bệnh viện do Bác Sĩ chỉ định và cần thiết cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh/ Normal Delivery and Caesarean Delivery Expenses		Không có N/A	Theo chi phí thực tế/ As charged		
Chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh trong vòng 7 ngày kể từ ngày sinh (không bao gồm Bệnh Bẩm Sinh/Dị Tật Bẩm Sinh)/ Newborn care (Within 7 days after delivery, exclude congenitals)					
Tai Nạn khẩn cấp trong thai sản / Biến Chứng Thai Sản (BCTS)/ Accidental Emergency/ • Pregnancy Complication					
+ Chi phí xe cấp cứu/năm (6) / Ambulance Benefit Per Year (6)		1tr	2,5tr	5tr	10tr
+ Điều Trị Ngoại Trú và Điều Trị Trong Ngày do Tai Nạn (7) / Accidental Outpatient Treatment or In-day Treatment Per Year (7) Nữ/ Female Nam/ Male		Không có N/A	2,5tr 5tr	5tr 10tr	10tr 20tr

Lưu ý: Điều trị trước khi nhập viện, điều trị sau khi xuất viện, dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà không áp dụng cho Quyền lợi Thai sản.

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.
Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

Đơn vị: triệu đồng (tr)

QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ/ OUTPATIENT BENEFITS	NÂNG CAO ADVANCE	TOÀN DIỆN PREMIER	ƯU VIỆT ELITE
GIỚI HẠN QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ/ NĂM (bao gồm Điều Trị Trong Ngày)/ GRAND LIMIT <i>Mức tối đa/năm / Sub-limit per year</i> <i>Mức tối đa/lần chi trả / Limit per visit</i>	12tr 1tr	24tr 2tr	48tr 4tr
Thỏa thuận bồi thường / PAYMENT AGREEMENT <i>Không sử dụng bảo hiểm y tế/ Without social Insurance</i> <i>Sử dụng bảo hiểm y tế/ With social Insurance</i>	Cùng chi trả 20%/ Co-payment of 20% Không áp dụng Cùng chi trả/ No Co-payment		
<i>Chi phí khám bệnh / Check-up fee</i> <i>Chi phí Thuốc Kê Toa của Bác Sĩ/ Prescription drugs</i> <i>Chi phí chẩn đoán, xét nghiệm tại Cơ Sở Y Tế do Bác Sĩ chỉ định và cần thiết cho việc chẩn đoán và điều trị bệnh/ Medical tests and analysis at Medical Facility (medically necessary with doctor's consent)</i> <i>Chi phí Điều Trị Trong Ngày (ngoại trừ điều trị ung thư)/ In-day treatment (except for cancer treatment)</i>	Chi phí thực tế/ As charged		
<i>Chi phí Vật lý trị liệu theo chỉ định của Bác Sĩ/ Chinese medicines per year</i> <i>Chi phí Y Học Thay Thế/ Physiotherapy (medically necessary with doctor's consent) per year</i>	Chi phí thực tế Tối đa 1tr/ năm Max 1M/year	Chi phí thực tế Tối đa 2tr/ năm Max 2M/year	Chi phí thực tế Tối đa 4tr/ năm Max 4M/year

Đơn vị: triệu đồng (tr)

ĐIỀU TRỊ NHA KHOA/ DENTAL BENEFITS	NÂNG CAO ADVANCE	TOÀN DIỆN PREMIER	ƯU VIỆT ELITE
GIỚI HẠN QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NHA KHOA/ GRANT LIMIT <i>Mức tối đa/năm / Sub-limit per year</i> <i>Mức tối đa/lần chi trả / Limit per visit</i>	3tr 1tr	6tr 2tr	12tr 4tr
Thỏa thuận bồi thường/ PAYMENT AGREEMENT			

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

Không sử dụng bảo hiểm y tế/ Without social Insurance	Cùng chi trả 20%/ Co-payment of 20%		
Sử dụng bảo hiểm y tế/ With social Insurance	Không áp dụng Cùng chi trả/ No Co-payment		
Thỏa thuận bồi thường/ PAYMENT AGREEMENT	Cùng chi trả 20% / Co-payment of 20%		
Cạo vôi răng (tối đa 2 lần/năm) – mức tối đa / Tooth cleaning (maximum 2 claims per year)	0,5tr	1tr	2tr
Khám, chẩn đoán nha khoa/ Dental checkups	Theo chi phí thực tế/ As charged		
Điều trị nha chu, viêm nướu/ Periodontal, Gum treatment			
Thuốc Kê Toa/ Medicines			
Trám răng (amalgam, composite, fuji hoặc các chất liệu tương đương)/ Tooth Filling (amalgam, composite, fuji or equivalents)			
X-Quang/ X-Ray			
Chữa tủy răng/ Root Canal			
Nhổ răng bệnh lý (không cần phẫu thuật)/ Non-surgical tooth extraction			
Chi phí cắt u mô cứng của răng, cắt cuống răng/ Root tip resection			
Chi phí mão răng, răng giả/ nằm (ngoại trừ implant)/ Crowns and Bridgework (except implant)	0,5tr	1tr	2tr

DANH SÁCH CÁC BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG ĐƯỢC BẢO HIỂM / LIST OF CRITICAL ILLNESSES

DANH SÁCH BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG GIAI ĐOẠN SỚM

1. Phẫu thuật cắt u tuyến yên
2. Mù 1 (một) mắt
3. Ung thư giai đoạn sớm bao gồm Ung thư không xâm lấn / Ung thư biểu mô tại chỗ, Ung thư tiền liệt tuyến giai đoạn sớm, Ung thư máu dòng lympho mãn tính giai đoạn sớm
4. Phẫu thuật gan
5. Phẫu thuật cắt bỏ 1 bên phổi
6. Thủ thuật tạo hình van tim, tách van tim, thay thế van tim qua da
7. Phẫu thuật huyết khối xoang hang
8. Bỏng trung bình
9. Cây máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim dưới da
10. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ

DANH SÁCH BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG GIAI ĐOẠN CUỐI

1. Bệnh Alzheimer / Sa sút trí tuệ trầm trọng
2. Phẫu thuật động mạch chủ
3. Thiếu máu bất sản
4. Hội chứng Apallic
5. Viêm màng não nhiễm khuẩn
6. U não lành tính
7. Phẫu thuật não
8. Ung thư đe dọa tính mạng
9. Bệnh cơ tim
10. Hôn mê
11. Phẫu thuật nối tắt động mạch vành
12. Viêm não do virus
13. Bệnh phổi giai đoạn cuối
14. Bệnh suy gan giai đoạn cuối
15. Viêm gan siêu vi tối cấp
16. Nhồi máu cơ tim
17. Thay thế van tim
18. Suy thận
19. Mất khả năng sống độc lập
20. Câm
21. Chấn thương sọ não nghiêm trọng
22. Ghép cơ quan chính
23. Bệnh nang tủy thận
24. Bệnh tế bào thần kinh vận động
25. Bệnh xơ cứng rải rác
26. Loạn dưỡng cơ
27. Bệnh Parkinson nguyên phát
28. Bệnh sốt bại liệt (Poliomyelitis)
29. Bệnh tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát
30. Bỏng nặng
31. Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống (SLE) có kèm viêm thận do Lupus
32. Đột quỵ (Tai biến mạch máu não)
33. Bệnh hiếm nghèo giai đoạn cuối
34. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ
35. Viêm tụy mãn tái phát
36. Bệnh Creutzfeld – Jacob
37. Bệnh viêm cân cơ hoại tử (Necrotising fasciitis)
38. Viêm đa khớp dạng thấp nặng
39. Loãng xương nặng
40. Xơ cứng bì hệ thống (Systemic Scleroderma)
41. Thương Tật Toàn Bò Và Vinh Viễn
42. Bệnh nhược cơ (Myasthenia Gravis)
43. Bệnh Crohn
44. Hội chứng Eisenmenger
45. Suy tuyến thượng thận mãn tính (Bệnh Addison)

DANH SÁCH BỆNH LÝ THEO GIỚI TÍNH

BỆNH LÝ DÀNH RIÊNG CHO NAM GIỚI

Ung thư tiền liệt tuyến, Ung thư phổi hoặc Ung thư gan

BỆNH LÝ DÀNH RIÊNG CHO NỮ GIỚI

1. Ung thư biểu mô (Carcinoma) tại chỗ của vú, cổ tử cung, tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng hoặc âm đạo
2. Các biến chứng của thai kỳ
 - Đông máu nội mạch lan tỏa (D.I.C)
 - Bệnh gai nhau nước
 - Loạn tâm thần hậu sản
 - Tử sản
3. Dị Tật Bẩm Sinh
 - Hội chứng Đào (Down)
 - Tật gai sống đôi
 - Tứ chứng Pha-lô (Fallot)
 - Bít thực quản và dò khí quản - thực quản
 - Não úng thủy
 - Tử vong sơ sinh
4. Phẫu thuật phục hồi

EARLY STAGE CRITICAL ILLNESS

1. Surgical Removal of Pituitary Tumour
2. Loss of Sight in One Eye
3. "Non-invasive cancer / Carcinoma in Situ; or Early Prostatic Cancer; or Early Chronic Lymphocytic Leukaemia"
4. Liver Surgery
5. Surgical Removal of One Lung
6. Percutaneous valvuloplasty, valvotomy or valve replacement
7. Cavernous sinus thrombosis surgery
8. Mild Severe Burns
9. Cardiac pacemaker or defibrillator implantation
10. Insertion of a Vena-cava filter

LATE STAGE CRITICAL ILLNESS

1. Alzheimer's Disease
2. Aortic Surgery
3. Aplastic Anemia
4. Apallic Syndrome
5. Bacterial Meningitis
6. Benign Brain Tumour
7. Brain Surgery
8. Cancer (Life-Threatening)
9. Cardiomyopathy
10. Coma
11. Coronary Artery Bypass Surgery
12. Encephalitis
13. End Stage Lung Disease
14. End Stage Liver Failure
15. Fulminant Viral Hepatitis
16. Heart Attack
17. Heart Valve Replacement
18. Kidney Failure
19. Loss of Independent Existence
20. Loss of Speech
21. Major Head Trauma
22. Major Organ Transplant
23. Medullary Cystic Disease
24. Motor Neuron Disease
25. Multiple Sclerosis
26. Muscular Dystrophy
27. Parkinson's Disease
28. Poliomyelitis
29. Primary Pulmonary Arterial Hypertension
30. Severe Burns
31. Systemic Lupus Erythematosus with Lupus Nephritis
32. Stroke (Cerebrovascular Accident)
33. Terminal Illness
34. Amyotrophic Lateral Sclerosis
35. Chronic Relapsing Pancreatitis
36. Creutzfeld-Jacob Disease
37. Necrotising Fascitis
38. Severe Rheumatoid Arthritis
39. Severe Osteoporosis
40. Systemic/Progressive Scleroderma
41. Total and Permanent Disability
42. Myasthenia Gravis
43. Crohn's Disease
44. Eisenmenger's Syndrome
45. Chronic Adrenal Insufficiency

GENDER SPECIFIC DISEASES

1. Male Specific Diseases

- Liver Cancer
- Lung Cancer
- Prostate Cancer

2. Female Specific Diseases

- Carcinoma-in-situ of breast, cervix uteri, uterus, ovary, fallopian tube or vagina
- Pregnancy Complications
- Congenital Anomalies
- Reconstructive surgery

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM / ILLUSTRATION TABLE FOR BASE PLAN

Đơn vị: Ngân đồng/ Unit: thousand dong

Năm HĐ/ Tuổi Pol year/ Age	Phí Bảo Hiểm Sản phẩm chính Base plan			Phí Ban Đầu và Phí QLHĐ Allocation charge and policy fee	Giá trị minh họa dựa trên lãi suất 6,5%/năm Illustration based on 6.5% rate								Rút GTTK Withdrawal
					Phí BH Rủi Ro Cost of insurance	QL duy trì Hợp Đồng Loyalty bonus	Giá Trị Tài Khoản Policy Account Value			Giá Trị Hoàn Lại Surrender value	QL Tử Vong không do tai nạn Death benefit	QL Bảo Vệ Tối Đa Max protection amount	
	Cơ Bản Base premium	Đóng Thêm Top up	Tổng phí SPC Total				Cơ Bản Base	Đóng Thêm Top Up	Hợp Đồng Policy				
1/31													
2/32													
3/33													
4/34													
5/35													
6/36													
7/37													
8/38													
9/39													
10/40													
11/41													
12/42													
13/43													
14/44													
15/45													
16/46													
17/47													
18/48													
19/49													
20/50													

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM / ILLUSTRATION TABLE FOR BASE PLAN

Đơn vị: Ngân đồng/ Unit: thousand dong

HĐ/ Tuổi Pol year/ Age	Phí Bảo Hiểm Sản phẩm chính Base plan			Phí Ban Đầu và Phí QLHĐ Allocatio n charge and policy fee	Giá trị minh họa dựa trên lãi suất 6,5%/năm Illustration based on 6.5% rate								Rút GTTK Withdrawal
					Phí BH Rủi Ro Cost of insurance	QL duy trì Hợp Đồng Loyalty bonus	Giá Trị Tài Khoản Policy Account Value			Giá Trị Hoàn Lại Surrender value	QL Tử Vong không do tai nạn Death benefit	QL Bảo Vệ Tối Đa Max protection amount	
	Cơ Bản Base premiu m	Đóng Thêm Top up	Tổng phí SPC Total				Cơ Bản Base	Đóng Thêm	Hợp Đồng				
21/51													
22/52													
23/53													
24/54													
25/55													
26/56													
27/57													
28/58													
29/59													
30/60													
31/61													
32/62													
33/63													
34/64													
35/65													
...													
69/99													

- Hợp Đồng: HĐ, Bảo hiểm: BH, Sản phẩm bảo hiểm: SPBH, Quyền lợi: QL, Giá trị tài khoản: GTTK, Sản phẩm chính: SPC, Sản phẩm bổ trợ: SPBT, Phí Quản lý Hợp Đồng: Phí QLHĐ/ Policy: Pol, Insurance: BH, Insurance Product: SPBH, Benefit: QL, Policy Account Value: PAV, Base plan: SPC

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM ILLUSTRATION TABLE FOR BASE PLAN

Đơn vị: Ngân đồng/ Unit: thousand dong

Năm HĐ/ Tuổi Pol year/A ge	Giá trị minh họa dựa trên lãi suất 5%/năm Illustration based on 5% rate					Giá trị minh họa dựa trên lãi suất cam kết Illustration based on guaranteed rate					Rút GTTK/ Withdrawal
	QL Duy Trì Hợp Đồng Loyalty bonus	Giá Trị Tài Khoản Policy Account Value	Giá Trị Hoàn Lại Surrender value	QL Tử Vong không do tai nạn Death benefit	QL Bảo Vệ Tối Đa Max protection amount	QL Duy Trì Hợp Đồng Loyalty bonus	Giá Trị Tài Khoản Policy Account Value	Giá Trị Hoàn Lại Surrender value	QL Tử Vong không do tai nạn Death benefit	QL Bảo Vệ Tối Đa Max protection amount	
21/51											
22/52											
23/53											
24/54											
25/55											
26/56											
27/57											
28/58											
29/59											
30/60											
31/61											
32/62											
33/63											
34/64											
35/65											
...											
69/99											

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.
Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

BẢNG MINH HỌA CHO SẢN PHẨM BỒ TRỢ ĐÓNG PHÍ NGẮN HẠN
ILLUSTRATION TABLE FOR RIDER – LIMITED PAY

Đơn vị: Ngàn đồng/ Unit: thousand dong

Năm HĐ Pol Year	Tổng phí hàng năm của sản phẩm bồi trợ đóng phí ngắn hạn Rider Annualized Premium	Giá Trị Hoàn Lại đối với các sản phẩm đóng phí ngắn hạn/ Riders's Surrender value				
		Tử Vong và Thương Tật Do Tai Nạn Accidental Death and Dismemberment	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn Total Permanent and Dismemberment	Bệnh lý nghiêm trọng Critical Illness	Trợ Cấp Y Tế Medicash	Tử Vong Death
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
20						
30						
40						
50-60-70						

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

GHI CHÚ:

1. Bảng Minh Họa này dựa trên giả định:
 - (i) NĐBH có sức khỏe ở mức như được quy định tại mục Thông Tin Hợp Đồng Bảo Hiểm của Bảng Minh Họa QLBNH này.
 - (ii) Hợp đồng đạt đầy đủ các yêu cầu nhận Quyền lợi duy trì Hợp Đồng theo quy định tại điều khoản sản phẩm.
 - (iii) Phí Bảo Hiểm Bồi Trợ (nếu có) được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt thời gian tham gia.
2. Lãi suất đảm bảo tối thiểu và lãi suất minh họa trên đây đã được khấu trừ % Phí Quản Lý Quỹ.
3. Mức lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu là 4,0%/năm trong 3 Năm Hợp Đồng đầu tiên; 3,0%/năm trong Năm Hợp Đồng thứ 4 đến Năm Hợp Đồng thứ 5; 2,0%/năm từ Năm Hợp Đồng thứ 6 đến Năm Hợp Đồng thứ 10 và 1,0%/năm từ Năm Hợp Đồng thứ 11 trở đi.
4. Quyền Lợi Bảo Vệ Tối Đa của sản phẩm chính như bảng minh họa phía trên bao gồm QL Tử Vong, QL Tử Vong và Thương Tật do Tai Nạn tối đa (300% STBH).
5. Trường hợp NĐBH dưới 4 tuổi, các quyền lợi bảo hiểm nêu trên sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Điều khoản hợp đồng.
6. Các giao dịch liên quan đến Phí Bảo Hiểm, STBH hoặc yêu cầu rút Giá Trị Tài Khoản (nếu có) phải được BMBH gửi yêu cầu theo mẫu về Manulife và chỉ có hiệu lực sau khi được Manulife chấp thuận bằng văn bản.
7. Bảng Minh Họa này chỉ được sử dụng với mục đích minh họa Phí Bảo Hiểm, Quyền Lợi và các loại Phí trong Hợp Đồng. Kết quả sẽ thay đổi dựa trên kết quả thực tế của Quỹ Liên Kết Chung. Chi tiết về Hợp Đồng bảo hiểm và các Quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Hợp Đồng bảo hiểm.
8. Sau khi Hợp Đồng mất hiệu lực, khách hàng có thể yêu cầu nhận Giá Trị Hoàn Lại của sản phẩm bồi trợ (nếu có).

NOTES:

9. This illustration is based on the following assumption:
 - (iv) Life Insured is in standard health as stated in this policy illustration
 - (v) Policy satisfies all requirements for loyalty bonus
 - (vi) Rider premiums are paid fully and in time
10. All interest rates have taken into account the fund management fee

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

11. Actual interest rate might increase or decrease, depending on the actual investment results of Universal Life fund, but not lower than the guaranteed rate of 4.0% p.a. during the first 3 years, 3.0% p.a. in 4th and 5th year, 2.0% p.a. from 6th to 10th policy year and 1.0% p.a. from 11th policy year onwards.
12. Max protection amount of this base plan includes Death Benefit, max Accidental Death and Dismemberment Benefit (300% FA)
13. In case Life Insured is under 4 years old, all the benefit stated above will be revised according to Terms and Conditions
14. All transaction related to Premium, Face Amount, or withdrawal from Policy Account Value (if any) must be sent in official form to Manulife, and only effective after Manulife approval in letter.
15. This illustration is for illustrative purpose only. The actual result might change upon the investment returns of Universal Life fund. Details of the policy and all related benefits will be stipulated in Terms and Conditions.
16. When the policy lapses, Manulife will payout the surrender value of riders (if any).

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí Bảo Hiểm Cơ Bản:	Là khoản phí đóng cho sản phẩm chính.				
2. Phí Bảo Hiểm Bỗ Trợ:	Là khoản phí đóng cho (các) sản phẩm bổ trợ.				
3. Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm:	Là khoản phí do Bên Mua Bảo Hiểm đóng thêm ngoài Phí Bảo Hiểm Định Kỳ cho Hợp Đồng Bảo Hiểm.				
4. Phí Ban Đầu:	Là phí được khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm trước khi phân bổ vào tài khoản hợp đồng. Đóng phí định kỳ:				
	Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4+
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	85%	60%	25%	2%
	% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	2%			
5. Phí Bảo Hiểm Rủi Ro:	Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của sản phẩm bảo hiểm chính. Phí Bảo Hiểm rủi ro được miễn phí trong Năm Hợp Đồng đầu tiên và từ năm Người Được Bảo Hiểm đạt 85 Tuổi trở đi.				

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/

The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

6. Phí Quản Lý Hợp Đồng:	Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để Manulife thực hiện các công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp Đồng và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho Bên Mua Bảo Hiểm. Phí Quản Lý Hợp Đồng sẽ thay đổi trong mỗi năm dương lịch nhưng không vượt quá mức quy định tối đa (60.000 đồng/tháng) như bảng sau: Đơn vị: Ngàn đồng <table><tr><td>2019</td><td>2020</td><td>2021</td><td>2022</td><td>2023</td><td>2024</td><td>2025</td><td>2026</td><td>2027</td><td>2028</td><td>2029</td><td>2030</td><td>2031</td><td>2032</td><td>2033+</td></tr><tr><td>33</td><td>35</td><td>37</td><td>39</td><td>41</td><td>43</td><td>45</td><td>47</td><td>49</td><td>51</td><td>53</td><td>55</td><td>57</td><td>59</td><td>60</td></tr></table> Phí Quản Lý Hợp Đồng được miễn phí trong Năm Hợp Đồng đầu tiên và từ năm khách hàng đạt 85 Tuổi trở đi.	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+	33	35	37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60
2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+																	
33	35	37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60																	
7. Phí Quản Lý Quỹ:	Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung và sẽ được khấu trừ trước khi Manulife công bố lãi suất đầu tư. Mức Phí Quản Lý Quỹ hiện tại là một phẩy năm phần trăm một năm (1,5%/năm) tính trên Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.																														
8. Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng Trước Hạn:	Là khoản phí phát sinh khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho Tài Khoản Cơ Bản, và miễn phí trên Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm. <table><tr><td>Năm Phí Bảo Hiểm</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7+</td></tr><tr><td>Tài Khoản Cơ Bản (% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên)</td><td>90%</td><td>75%</td><td>60%</td><td>45%</td><td>30%</td><td>15%</td><td>0%</td></tr></table>	Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4	5	6	7+	Tài Khoản Cơ Bản (% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên)	90%	75%	60%	45%	30%	15%	0%														
Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4	5	6	7+																								
Tài Khoản Cơ Bản (% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên)	90%	75%	60%	45%	30%	15%	0%																								
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) Trụ sở chính: Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: (028) 5416 6888 - Fax: (028) 5416 1818 Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 13GP/KDBH ngày 24/01/2005 Vốn điều lệ: 9.695 tỷ đồng Website: www.manulife.com.vn	THÔNG TIN TẬP ĐOÀN Manulife là Tập đoàn tài chính hàng đầu thế giới có trụ sở chính tại Canada, với hơn 130 năm kinh nghiệm hoạt động toàn cầu, hiện đang cung cấp các sản phẩm bảo vệ tài chính và dịch vụ quản lý tài sản cho hàng chục triệu khách hàng trên toàn thế giới. Sức mạnh tài chính vững chắc: là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu thế giới, quản lý tổng tài sản giá trị hơn 829,4 tỷ USD (tính đến ngày 31/12/2017). Cam kết đầu tư lâu dài tại Việt Nam: là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên được cấp phép kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam (tháng 6/1999), một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu và là công ty bảo hiểm nhân thọ có vốn điều lệ lớn nhất tại Việt Nam tính đến hết năm 2017.																														

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.
Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Tôi đồng ý tham gia sản phẩm bảo hiểm chính này, các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ đính kèm và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng Bảo Hiểm.
2. Bảng Minh Họa này chỉ có hiệu lực nếu được nộp vào Manulife để cấp hợp đồng vào hoặc trước ngày <xx> và được đính kèm với Bảng Phân tích nhu cầu tài chính.
3. Tôi hiểu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế. Do đó, giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Bảng Minh Họa.
4. Tôi hiểu rằng Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ mất hiệu lực nếu (i) các khoản phí bảo hiểm theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Hiểm không được đóng đầy đủ hoặc (ii) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng trừ đi các khoản Nợ (nếu có) nhỏ hơn 0, tùy sự kiện nào xảy ra trước.
5. Tôi cam kết đã khai báo trung thực tất cả thông tin cá nhân của tôi. Đồng thời, tôi xác nhận đã đọc cẩn thận cũng như đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng Minh Họa này, nội dung của Điều khoản sản phẩm và Bảng Phân tích nhu cầu tài chính. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm này, đặc biệt là các quyền lợi không đảm bảo phụ thuộc vào kết quả đầu tư của các Quỹ.

Ngày: _____

Chữ ký: _____
<BMBH>

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, người ký tên dưới đây, cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng Minh Họa này và nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Ngày: _____

Chữ ký: _____
<Tên>, <Mã số>, <KV>

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/
The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

FEES AND CHARGES

9.	Base Premium	Premium for base plan														
10.	Rider Premium	Premium for riders														
11.	Top up Premium	Additional premium paid by Policy Owner apart from the Base and Rider Premium														
12.	Allocation charge	Charges deducted from base premium and top up premium before allocating into the policy account value.														
		Premium Year		1	2	3	4+									
		% Base Premium		90%	65%	35%	2%									
		% Top Up Premium		2%												
13.	Cost of Insurance:	Fees deducted monthly from Policy Account Value to pay for insurance benefit as stipulated in the base policy. Cost of Insurance is free in the 1 st Policy Year and from the year Life Insured reaches age 85 onwards														
14.	Policy fee:	Fees deducted monthly for administration, maintenance of the policy. Policy fee will change on each calendar year but not exceeding maximum amount (60,000 VND/month) as below: Unit: Thousand VND														
		2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+
		33	35	37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60
		Policy fee is free in the 1 st Policy Year and from the year Life Insured reaches age 85 onwards														
15.	Fund Management Fee:	Fees for investment activities of Universal Life fund and will be deducted prior to declaring interest rate. The current FMF is one point five percent per year (1.5% p.a.) on Policy Account Value.														
16.	Surrender Charge:	Fees arised when Policy Owner requests to terminate the Policy prior to maturity. This fee is calculated as % of Base Premium for Base Account, and not applicable for Top Up Account.														
		Premium Year							1	2	3	4	5	6	7+	
		Base Account (% Annualize base Premium of 1 st PY)							90%	75%	60%	45%	30%	15%	0%	

COMPANY INFORMATION

Manulife (Việt Nam) Limited
Head Office: Manulife Plaza, 75 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward,

CORPORATE INFORMATION

Manulife Financial is a leading Canadian-based financial services group with a history of over 130 years worldwide operating, offering financial protection and wealth management products and

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/

The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số : / <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date

Dist. 7, Hochiminh city.
Tel: (028) 5416 6888 - Fax: (028) 5416 1818
Business sectors: Life Insurance and Financial Investment
License: 13GP/KDBH dated 24/01/2005
Charter capital: VND 9,695 billion
Website: www.manulife.com.vn

services to millions of clients over the world.

Financial Strength: Manulife Finance is one of the leading life insurers in Global, manage the total asset of USD 829.4 billion (as of 31 Dec 2017).

Committed to long term investment in Vietnam: Manulife is the first 100% foreign – owned enterprise was licensed to conduct life insurance business in Vietnam (in Jun 1999), one of the leading life insurers in the market, and has biggest charter capital, by the end of 2017

PO CONFIRMATION

6. I agree to join the base plan and all attached riders, and will abide to all terms and conditions of the policy
7. This illustration is only effective when being submitted on or prior to <current date + 30>, together with Financial Needs Analysis
8. I understand that the Policy Account Value will change upon actual investment result, premium paid, and withdrawal.
9. I understand that this Policy will lapse if (i) premiums are not paid as per Terms & Conditions of the policy or (ii) Policy Account Value after deducting Debts (if any) is less than 0, whichever comes first.
10. I confirm that I have declare truthfully all my personal information. Also, I confirm that I have read carefully and also been consulted with all details in this illustration, Terms and Conditions, and Financial Needs Analysis. I fully understand my rights and obligations when joining this product, especially non-guaranteed benefit depending on the actual investment results.

Date: _____

Signature: -

<BMBH>

AGENT CONFIRMATION

I, the undersigned, affix and certify that I have given completed advice and explanation and to the named customer of this illustration details and the Provision as well.

Date: _____

Signature: _____

Họ và tên đại lý: / <Agent name>

Mã số đại lý: / <Agent code>

Barcode<*MVLNB*>/

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang/

The illustration is only valid for full pages and without any modification.

Trang x/xx

Minh họa số :/ <Illustrated number>

Số bảo hiểm dự kiến:

Ngày in : / Printed date